

2. Thực hành

Bài 1: HS tìm hiểu mẫu và thực hiện (cá nhân).

Khi sửa bài, HS **giải thích** cách tìm kết quả.

LUYỆN TẬP

Bài 1:

– HS **đọc** yêu cầu, **nhận biết:** Dựa vào bảng nhân để **thực hiện** (3 nhân mấy bằng 9?).

– Khi sửa bài, GV hướng dẫn HS **đọc** theo hai cách:

- $15 = 3 \times 5$

- $15 : 3 = 5$

Bài 2:

– HS **tìm hiểu** bài, GV giới thiệu quả điều (còn có tên gọi là “đào lộn hột”). HS **nhận biết** để chọn đúng phép tính.

– Khi sửa bài, lưu ý HS nói cả câu. (Chia đều 18 quả điều thành 3 phần, mỗi phần có 6 quả điều.)

Đất nước em

– HS quan sát hình ảnh trong SGK, GV giới thiệu quả điều (người ta thường dùng để nấu canh chua rất ngon), hạt điều là món ăn khoái khẩu thường xuất hiện vào dịp Tết.

– Hạt điều không những là món ngon mà còn là vị thuốc tốt cho sức khỏe. Do đó hạt điều được sử dụng phổ biến trên thế giới. Nước ta là một trong các nước xuất khẩu hạt điều nhiều nhất trên thế giới.

CÙNG CỐ

GV có thể cho HS chơi “Truyền điện”.

Chia lớp thành hai nhóm, thay nhau trả lời kết quả các phép chia trong bảng chia 3.

BẢNG NHÂN 4

(1 tiết)

A. Mục tiêu

1. Kiến thức, kĩ năng:

– Bảng nhân 4:

- Thành lập bảng.
- Bước đầu ghi nhớ bảng.
- Vận dụng bảng để tính nhẩm.

– Làm quen với bài toán thể hiện dưới dạng bảng.

– Nhận biết tính chất kết hợp của phép nhân và biết vận dụng tính trong trường hợp cụ thể (chưa nêu tên tính chất).

2. Năng lực chú trọng: tư duy và lập luận toán học; sử dụng công cụ, phương tiện học toán; giao tiếp toán học.

3. Tích hợp: Toán học và cuộc sống, Tự nhiên và Xã hội.

Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm.

B. Thiết bị dạy học

GV: các tấm bìa có 4 chấm tròn, hình ảnh dùng cho phần Khởi động.

HS: các tấm bìa có 4 chấm tròn.

C. Các hoạt động dạy học chủ yếu

KHỞI ĐỘNG

– GV giới thiệu hình ảnh con cừu.

– GV: Mỗi con cừu có mấy chân? (4 chân)

Hãy viết phép nhân tính số chân của 6 con cừu rồi tìm kết quả của phép nhân.

$$4 \times 6 = ?$$

$$4 + 4 + 4 + 4 + 4 + 4 = 24$$

$$4 \times 6 = 24$$



HS cũng có thể đếm thêm 4 để tìm kết quả của phép nhân. (4, 8, 12, 16, 20, 24).

– GV nói tác dụng của bảng nhân:

Để tìm kết quả của phép nhân ta đã chuyển về tính tổng các số hạng bằng nhau hoặc đếm thêm, việc này tốn thời gian. Nếu ta thành lập một bảng nhân và ghi nhớ bảng nhân đó thì sẽ dễ dàng tìm được kết quả của các phép nhân trong bảng.

– GV giới thiệu bài mới.

BÀI HỌC VÀ THỰC HÀNH

1. Thành lập bảng nhân

– GV giới thiệu bảng nhân 4 chưa có kết quả, HS nhận biết thừa số thứ nhất là 4, thừa số thứ hai là số lần lượt từ 1 đến 10.

– HS (nhóm bốn) thảo luận, tìm kết quả hai phép nhân liên tiếp trong bảng (theo phân công của GV).

Các em có thể tìm kết quả của phép nhân theo nhiều cách.

Ví dụ:

- 4×1

Dựa vào ĐDHT: 4 chấm tròn được lấy 1 lần $\rightarrow 4 \times 1 = 4$

Số nào nhân với 1 cũng bằng chính số đó.

- Mỗi phép nhân còn lại trong bảng:

Chuyển về tổng các số hạng bằng nhau.

Lấy tích ngay trước đó cộng thêm 4.

Dựa vào ĐDHT, đếm thêm 4 (4, 8, 12; $4 \times 3 = 12$).

...

– HS thông báo kết quả, GV hoàn thiện bảng nhân.

HS nhận biết hai tích liên nhau hơn kém 4 đơn vị.

2. Học thuộc bảng nhân (HS sử dụng SGK)

Bài 1: HS **nhận biết** đây là dãy số đếm thêm 4 và cũng là các tích trong bảng nhân 4.

GV có thể tổ chức để HS lần lượt **đọc** dãy số (đọc xuôi, đọc ngược, đọc từ một số bất kì trong dãy. Việc đọc sẽ kết thúc khi HS **ghi nhớ** dãy số. Có thể kết hợp với việc đưa ngón tay làm chỗ dựa trực quan cho HS khó khăn trong việc học thuộc lòng).

Bài 2: HS có thể dựa vào việc thuộc bảng hoặc **sử dụng** các ngón tay, **đếm thêm 4** để tìm kết quả của các phép nhân trong bảng.

HS **học thuộc** các phép nhân màu đỏ trong bảng và nhận biết có thể tìm kết quả của các phép nhân khác dựa vào ba phép nhân này.

Ví dụ: $4 \times 8 = ?$

Dựa vào $4 \times 5 = 20$, đếm thêm 3 lần 4: **20, 24, 28, 32**

hay Dựa vào $4 \times 10 = 40$, đếm bớt 2 lần 4: **40, 36, 32**.

GV che dẫn các số trong bảng để HS bước đầu thuộc bảng.

LUYỆN TẬP

Bài 1:

- HS **quan sát** một cách tổng quát, nhận biết các trường hợp đặc biệt:

- Phép nhân có thừa số 1 hoặc 0 (áp dụng nhận xét khái quát).
- Phép nhân có thừa số 2, 3 hoặc 5 (dùng tính chất giao hoán và các bảng nhân 2, 3, 5 đã học).

- Các phép nhân còn lại có thể có nhiều cách làm theo thứ tự ưu tiên sau:

- Thuộc bảng.
- Đếm thêm 4 (đếm từ đầu hoặc dựa vào các phép nhân màu đỏ).
- Chuyển về tổng các số hạng bằng nhau.

Bài 2:

- HS tìm hiểu bài.

- Yêu cầu của bài.
- Tìm hiểu bảng.

Bảng gồm hai hàng, hàng trên biểu thị số con cừu, hàng dưới là số chân các con cừu đó.

Cột số đầu tiên: **Mấy con cừu?** (1) **Số chân của 1 con cừu?** (4)

Cột số thứ hai: **Mấy con cừu?** (2) **Số chân của 2 con cừu?** ($2 \times 4 = 8$)

- HS **thực hiện** (cá nhân).

- Khi sửa bài, HS **giải thích** và **nói** cả câu (4 chân được lấy 5 lần, $4 \times 5 = 20$. Vậy 5 con cừu có 20 cái chân).

Bài 3:

- GV hướng dẫn HS **tim hiểu** mẫu.

Biểu thức chỉ có các phép tính nhân, ngoài cách tính từ trái sang phải ta có thể tính tích của thừa số thứ hai và thứ ba trước.

HS nói để hoàn thiện mẫu.

- HS thực hiện (cá nhân).
- Khi sửa bài:
 - HS **trình bày** thứ tự thực hiện.
 - HS **so sánh** kết quả.
 - GV khái quát *khi nhân ba số*:

Có thể thực hiện theo thứ tự từ trái sang phải hoặc tính tích của số thứ hai và số thứ ba trước.
(Cách nào thuận tiện hơn thì thực hiện.)

CÙNG CỐ

GV có thể cho HS chơi “Truyền điện”.

Chia lớp thành hai nhóm, thay nhau trả lời kết quả các phép nhân trong bảng nhân 4.

BẢNG CHIA 4 (1 tiết)

A. Mục tiêu

1. Kiến thức, kĩ năng:

- Bảng chia 4:
 - Thành lập bảng.
 - Bước đầu ghi nhớ bảng (đây là yêu cầu đối với các HS có khả năng dễ dàng thuộc bảng).
- Tìm kết quả của phép chia trong bảng chia 4 dựa vào bảng nhân 4 (yêu cầu đối với đa số HS trong lớp).
- Làm quen với bài toán thể hiện dưới dạng bảng.

2. Năng lực chú trọng: tư duy và lập luận toán học; sử dụng công cụ, phương tiện học toán; giao tiếp toán học.

3. Tích hợp: Toán học và cuộc sống, Tự nhiên và Xã hội.

Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm, yêu nước.

B. Thiết bị dạy học

GV: bảng nhân 4, bảng chia 4.

C. Các hoạt động dạy học chủ yếu

KHỞ ĐỘNG

Có thể dùng trò chơi để chuyển tải nội dung.

Từ phép nhân $4 \times 3 = 12$,

viết hai phép chia tương ứng ($12 : 3 = 4$, $12 : 4 = 3$).